

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỲ HOA

PHỤ LỤC I:
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025
ĐỊA BÀN THÔN TÂN THẮNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

ĐVT: Triệu đồng

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác								Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác										
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)				Thành tiền	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	13	14	15=13*14	16	17	18=16*17	19	20	21=19*20	22	23	24=22*23	25=3+6+9+12+15+18+21+24
1	Lê Thị Thụ	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,065	5	0,325		3	0		5	0		7,5	0	0,33
2	Phan Văn Thịnh	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,00
3	Nguyễn Văn Linh (Ninh)	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	2,00
4	Nguyễn Văn Vĩnh	0,10	10,00	1,00		6	0		10	0	0,5	15	7,5	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	8,50
5	Phan Xuân Trường	0,06	10,00	0,60		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,60
6	Phan Văn Tiến	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,1	5	0,5		3	0		5	0		7,5	0	0,50
7	Trưởng Đình Tinh	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,3	5	1,5		3	0		5	0		7,5	0	1,50
8	Trương Thị Hạnh	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	2,00
9	Nguyễn Văn Linh	0,16	10,00	1,60		6	0		10	0		15	0	0,16	5	0,8		3	0		5	0		7,5	0	2,40
10	Nguyễn Văn Hiu	0,10	10,00	1,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	1,00
11	Lê Thanh Hải	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	2,00
12	Phạm Ngọc Quý	0,15	10,00	1,50		6	0		10	0		15	0	0,05	5	0,25		3	0		5	0		7,5	0	1,75
13	Vô Đức Chuyên	0,07	10,00	0,70		6	0		10	0		15	0	0,1	5	0,5		3	0		5	0		7,5	0	1,20
14	Nguyễn Văn Châu	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,2	5	1		3	0		5	0		7,5	0	1,00
15	Vô Đức Thuận	0,08	10,00	0,80		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,80
16	Nguyễn Thị Lan	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	2,00
17	Lê Văn Canh	0,18	10,00	1,75		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	1,75
18	Phan Văn Quân	0,25	10,00	2,51		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	2,51
19	Phạm Văn Thái	0,40	10,00	4,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	4,00
20	Nguyễn Tiến Huân	0,07	10,00	0,73		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,73
21	Nguyễn Văn Tuấn	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,00
22	Nguyễn Xuân Vinh	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,00
23	Phan Đình Khoan	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	2,00

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác								Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác											
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)				Thành tiền	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền		
24	Trương Thị Sâm	0,10	10,00	1,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		1,00
25	Nguyễn Thế Kỳ	0,08	10,00	0,78		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,78
26	Nguyễn Trung Tuyền	0,27	10,00	2,70		6	0		10	0		15	0	0,03	5	0,15		3	0		5	0		7,5	0		2,85
27	Hồ Sơn	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,00
28	Nguyễn Trọng Tuấn	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,08	5	0,4		3	0		5	0		7,5	0		0,40
29	Nguyễn Tiến Vinh	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,00
30	Nguyễn Tiến Hải	0,15	10,00	1,46		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		1,46
31	Trương Văn Trường	0,05	10,00	0,48		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,48
32	Nguyễn Văn Đức	0,10	10,00	1,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		1,00
33	Phan Xuân Hiệp	0,25	10,00	2,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,50
34	Nguyễn Văn Biên	0,25	10,00	2,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,50
35	Nguyễn Thị Liệu	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,1	5	0,5		3	0		5	0		7,5	0		0,50
36	Nguyễn Văn Phúc	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,00
37	Nguyễn Văn Thắng	0,03	10,00	0,33		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,33
38	Nguyễn Tiến Sơn	0,00	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,25	5	1,25		3	0		5	0		7,5	0		1,25
39	Nguyễn Văn Sau	0,25	10,00	2,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,50
40	Nguyễn Văn Sơn	0,20	10,00	2,00		6	0		10	0		15	0	0,20	5	1		3	0		5	0		7,5	0		3,00
41	Nguyễn Văn Tiến	0	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,00
42	Trương Quốc Tinh	0,1	10,00	1,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		1,00
43	Võ Văn Luyến	0,25	10,00	2,50		6	0		10	0		15	0	0,00	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,50
44	Lê Văn Hồng	0,1	10,00	1,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		1,00
45	Nguyễn Văn Đầm (Đào Thị Quyên)	0,25	10,00	2,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,50
46	Nguyễn Văn Song	0,25	10,00	2,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,50
47	Nguyễn Văn Tịnh	0	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		0,00
48	Nguyễn Xuân Thuý	0	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,25	5	1,25		3	0		5	0		7,5	0		1,25
49	Nguyễn Quang Văn	0,08	10,00	0,75		6	0		10	0	0,0706	15	1,059	0,075	5	0,375		3	0		5	0		7,5	0		2,18
50	Phan Văn Thanh	0,15	10,00	1,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		1,50
51	Nguyễn Văn Dẫn	0,05	10,00	0,50		6	0		10	0		15	0	0,05	5	0,25		3	0		5	0		7,5	0		0,75
52	Nguyễn Văn Lợi	0,15	10,00	1,50		6	0		10	0	0,05	15	0,75	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0		2,25
53	Trương Đình Tứ	0,15	10,00	1,50		6	0		10	0		15	0	0,1	5	0,5		3	0		5	0		7,5	0		2,00

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác								Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác										
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)				Thành tiền	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền				
54	Nguyễn Trọng Vinh	0,15	10,00	1,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	1,50
55	Trần Xuân Đạo	0,15	10,00	1,50		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	1,50
56	Trương Văn Linh	0,1	10,00	1,00		6	0		10	0		15	0	0	5	0		3	0		5	0		7,5	0	1,00
57	Nguyễn Đức Thuý	0	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,15	5	0,75		3	0		5	0		7,5	0	0,75
58	Phạm Văn Tiến	0	10,00	0,00		6	0		10	0		15	0	0,98	5	4,9		3	0		5	0		7,5	0	4,90
59	Phạm Đắc Quỳnh										0,01	15	0,15		5	0		3	0		5	0		7,5	0	0,15
	Tổng cộng:	6,47			0,00				0,00			0,63			3,24			0,00			0,00			0,00		90,34

PHỤ LỤC II:
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI
DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÔN TÂN THẮNG
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Tổng kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)
		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	13=3+6+9+12
1	Hồ Xuân Niêm		8	0		15	0	1,47	4	5,88		7,5	0	5,88
2	Nguyễn Tiến Sơn		8	0		15	0	1,35	4	5,4		7,5	0	5,40
3	Nguyễn Tiến Lực		8	0		15	0	2	4	8		7,5	0	8,00
4	Nguyễn Ngọc Thông		8	0	0,54	15	8,1		4	0		7,5	0	8,10
5	Nguyễn Văn Hiếu		8	0		15	0	2,7	4	10,8		7,5	0	10,80
6	Nguyễn Thị Nguyệt		8	0		15	0	1,73	4	6,92	1	7,5	7,5	14,42
7	Nguyễn Thế Kỷ		8	0		15	0	1	4	4	1	7,5	7,5	11,50
8	Trương Vĩnh Phúc		8	0		15	0	0,14	4	0,56		7,5	0	0,56
9	Phan Đình Khoan		8	0	3	15	45		4	0		7,5	0	45,00
10	Trương Thị Sâm		8	0	1,48	15	22,2		4	0		7,5	0	22,20
11	Nguyễn Văn Châu		8	0		15	0	2,5	4	10		7,5	0	10,00
12	Phạm Xuân Hiệp		8	0		15	0	0,16	4	0,64		7,5	0	0,64
13	Nguyễn Đại Nghĩa		8	0		15	0	0,5	4	2		7,5	0	19,50
			8	0	1	15	15		4	0		7,5	0	
14	Nguyễn Văn Vũ		8	0		15	0	1,533	4	6,132		7,5	0	6,13
15	Hoàng Thị Sen (Tứ)		8	0		15	0	1,7	4	6,8		7,5	0	6,80
16	Nguyễn Văn Sơn		8	0		15	0	1,2	4	4,8		7,5	0	4,80
17	Võ Văn Linh		8	0		15	0	0,87	4	3,48		7,5	0	3,48
18	Nguyễn Văn Đức		8	0		15	0	1,5	4	6		7,5	0	6,00
19	Lê Văn Hồng		8	0		15	0	1,5	4	6		7,5	0	6,00
20	Hoàng Lưu Huỳnh	0,9	8	7,2		15	0	1	4	4		7,5	0	11,20
21	Trần Xuân Đạo		8	0		15	0	2	4	8		7,5	0	8,00
22	Hoàng Thị Ninh (Nguyễn Văn Linh)		8	0		15	0	0,55	4	2,2		7,5	0	2,20
23	Trương Công Đức		8	0	0,2	15	3		4	0		7,5	0	3,00
24	Hà Đức Cường		8	0	0,5	15	7,5		4	0		7,5	0	7,50
25	Nguyễn Văn Hựu		8	0	1,5	15	22,5		4	0		7,5	0	22,50
26	Võ Văn Luyến		8	0		15	0	0,39	4	1,56		7,5	0	1,56
27	Trương Văn Trường		8	0		15	0	0,55	4	2,2		7,5	0	2,20
28	Nguyễn Văn Tiến		8	0		15	0	0,45	4	1,8		7,5	0	1,80
	Tổng	0,9		7,2	8,22		123,3	26,793		0	2		15	255,172

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỲ HOA**

PHỤ LỤC III:
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI
DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÔN TÂN THẮNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

[illegible]

Tổng kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)
<i>10=3+6+9</i>
1,500